

Số: *GA* /BCTN-BKC

Bắc Kạn, ngày 28 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO
Thường niên năm 2021

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước,
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN BẮC KẠN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4700149595
- Vốn Điều lệ: 117.377.280.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu: 136.426.944.224 đồng.
- Địa chỉ: Tổ 4, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Điện thoại: (0209)3 812 399.
- Website: <http://backanco.com>; Email: bkc@backanco.com
- Mã cổ phiếu: BKC
- Biểu tượng của Công ty:



*** Quá trình hình thành và phát triển**

- Ngày 05/04/2000, Công ty khoáng sản Bắc Kạn được thành lập theo Quyết định số: 312/QĐ-UB của UBND tỉnh Bắc Kạn.
- Tháng 4/2006, Công ty chuyển đổi tư Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ 51% vốn Điều lệ.
- Ngày 18/8/2009, cổ phiếu của Công ty (mã chứng khoán BKC) chính thức được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).
- Ngày 22/10/2009, Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) đã thoái toàn bộ phần vốn Nhà nước tại Công ty.
- Ngày 05/04/2010, Công ty khánh thành Nhà máy luyện chì kim loại công suất 10.000 tấn/năm đặt tại xã Bằng Lãng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.



- Tháng 10/2016, Công ty TNHH Việt Trung trở thành Công ty con của Công ty Cổ phần Khoáng sản Bắc Kạn.

- Ngày 15/04/2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số: 12/2021/NQ-HĐQT về việc thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần khoáng sản Bắc Kạn - Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp.

- Ngày 01/6/2021, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 30/2021/NQ-HĐQT về việc chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, đơn vị trực thuộc đối với Xí nghiệp Khai thác khoáng sản Bằng Lãng và Xí nghiệp khai thác mỏ Pù Sáp.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành, nghề kinh doanh chính: Khai thác và chế biến quặng chì, kẽm.

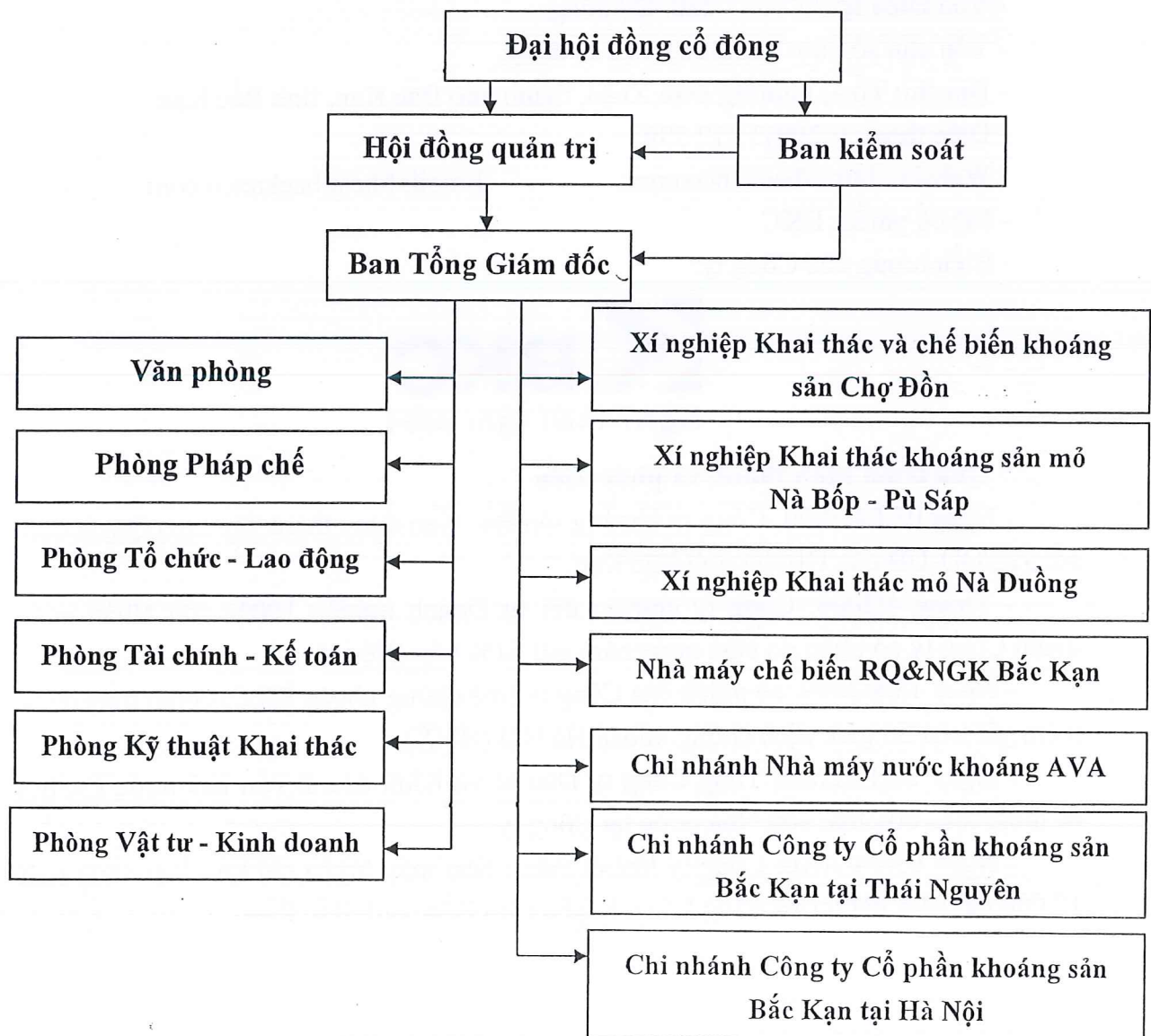
- Địa bàn kinh doanh chính: tỉnh Bắc Kạn.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng giám đốc.

- Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý:

Hình 1: Sơ đồ bộ máy tổ chức Công ty cổ phần khoáng sản Bắc Kạn



- Các công ty con, công ty liên kết:

* Công ty con: **Công ty TNHH Việt Trung.**

+ Địa chỉ: Tổ 17, thị trấn Bằng Lũng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn.

+ Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính: Khai thác và chế biến quặng chì, kẽm.

+ Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng.

+ Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty con: 100%.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Tập trung phát huy thế mạnh về cơ sở vật chất kỹ thuật sẵn có để phát triển sản xuất kinh doanh. Tích cực đổi mới, phát triển công nghệ kỹ thuật khai thác và tập trung cho chế biến sâu khoáng sản kim loại màu, kim loại quý hiếm; điều chỉnh chính sách và cơ chế quản lý cho phù hợp với thị trường nhằm tối đa hoá lợi nhuận cho các cổ đông, nâng cao thu nhập cho người lao động, cải thiện chế độ làm việc và phát huy tối đa năng lực của cán bộ công nhân viên; đồng thời thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, công tác an sinh xã hội.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Khai thác khoáng sản trọng điểm tại tỉnh Bắc Kạn và các tỉnh lân cận từng bước tiến ra thị trường thế giới. Tiếp tục đầu tư mạnh cho công nghệ chế biến sâu kim loại màu đi đôi với bảo vệ môi trường.

5. Các rủi ro

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty chịu tác động của các yếu tố rủi ro sau:

- *Rủi ro về kinh tế:* Khai thác khoáng sản cung cấp nguyên liệu đầu vào cho nhiều ngành công nghiệp khác trong nền kinh tế. Vì vậy, sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong đó có Việt Nam, tạo ra sức cầu quan trọng đối với ngành khai thác khoáng sản. Giá cả của các mặt hàng ngành khai thác khoáng sản có tác động to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Sản phẩm của Công ty được tham chiếu theo giá giao dịch trên thị trường quốc tế nên những biến động sẽ mang lại tác động lớn đến Công ty. Trong năm 2021, giao thương trên thế giới tiếp tục bị hạn chế do dịch bệnh COVID-19, giá kim loại trên thị trường biến động nhiều, sức mua trên thị trường không lớn, giá nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư tăng cao làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

- *Rủi ro về pháp lý:* Những thay đổi về chính sách khai thác, sử dụng khoáng sản đã ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các chính sách về thuế, phí, bảo vệ môi trường của Nhà nước ngày càng thắt chặt.

- *Bảo vệ tài nguyên môi trường, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên:* Các chính sách bảo vệ môi trường, tài nguyên không tái tạo ngày càng được thắt chặt ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Thời hạn khai thác các mỏ của Công ty phụ thuộc vào chính sách quản lý của Nhà nước trong từng thời kỳ. Thời gian xin cấp phép khai thác khoáng sản thường kéo dài từ 01 đến 03 năm và là một rủi ro lớn trong hoạt động của Công ty.

- Phong tục, tập quán địa phương cũng là một trở ngại không nhỏ trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Rủi ro về trữ lượng và chất lượng tài nguyên: Đặc điểm của ngành khai thác khoáng sản là trước khi khai thác một mỏ khoáng sản cần thực hiện công tác thăm dò đánh giá trữ lượng và chất lượng khoáng sản. Quá trình thăm dò tốn kém nhiều chi phí và thời gian, nhưng nếu kết quả thăm dò cho thấy trữ lượng và chất lượng mỏ nhỏ, hoặc điều kiện khai thác không thuận lợi khiến cho việc khai thác không thể thực hiện được vì lý do kinh tế kỹ thuật thì rủi ro chi phí là rất lớn. Mặc dù Công ty đã thực hiện các nghiên cứu, khảo sát, đánh giá về điều kiện địa chất mỏ, tuy nhiên những nghiên cứu đánh giá này không thể lường trước hết được những biến động bất thường của tự nhiên. Việc đánh giá chưa đúng về địa chất và trữ lượng khoáng sản có thể khai thác được sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch sản xuất hàng năm của Công ty. Đây là vấn đề nan giải cần tiếp tục nghiên cứu tìm giải pháp để khắc phục.

- Rủi ro đặc thù của ngành khai thác, chế biến khoáng sản: Trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản ngoài các sản phẩm thu được thì kèm theo đó là các chất thải nguy hại, phế thải độc hại, chất thải thông thường với số lượng lớn. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất, mưa nhiều với lượng lớn làm tăng nguy cơ bực nước khi khai thác xuống sâu, tiềm ẩn nhiều nguy cơ tai nạn lao động; việc ngừng sản xuất do các nguyên nhân trên làm ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng, thiếu nguyên liệu cho các nhà máy chế biến.

- Nguồn nhân lực không ổn định, trình độ hiểu biết pháp luật của người lao động còn hạn chế, phong tục, tập quán địa phương dẫn đến nhiều khó khăn trong công tác quản trị nhân lực, nghỉ việc tự do vẫn còn diễn ra ảnh hưởng đến sản xuất.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2021, do sự bùng phát của dịch COVID-19 làm ảnh hưởng đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy Công ty vẫn duy trì được hoạt động sản xuất ổn định từ khai thác đến chế biến nhưng có những giai đoạn các cơ sở sản xuất, khai thác mỏ hoạt động cầm chừng, không liên tục; hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư, cải tạo và nâng cấp khang trang; điều kiện lao động, môi trường làm việc, sinh hoạt được cải thiện, các trang thiết bị phục vụ sản xuất từng bước cơ giới hóa, hiện đại hóa; chất lượng lao động và chất lượng sản phẩm được nâng lên; Tuy vẫn tạo công ăn việc làm và duy trì một lượng lao động đông đảo cả trong và ngoài tỉnh Bắc Kạn, nhưng năm 2021 mỏ chì kẽm Lũng Vàng dừng khai thác do hết hạn giấy phép dẫn đến gần 200 lao động phải ngừng, nghỉ việc tạm thời.

Công ty tiếp tục đóng góp vào giá trị sản lượng công nghiệp của tỉnh, tăng thu ngân sách địa phương, thúc đẩy lĩnh vực khai khoáng và chế biến sâu khoáng sản được phục hồi và phát triển.

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 so với chỉ tiêu kế hoạch đặt ra:

Bảng 1: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		Tỷ lệ % thực hiện
			Kế hoạch	Thực hiện	
1	Tổng sản lượng quặng nguyên khai	Tấn	20.300,0	21.263,74	104,75
2	Khối lượng thành phẩm sau chế biến				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	3.866,0	4.255,83	110,08
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	2.498,0	2.415,15	96,68
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 97%)	Tấn	6.000,0	3.420,20	57,00
	- Bột kẽm ôxít	Tấn	6.500,0	3.657,003	56,26
3	Khối lượng hàng hóa đã xuất bán				
	- Tinh quặng chì (60% Pb)	Tấn	-	1.000,8	-
	- Tinh quặng kẽm (50% Zn)	Tấn	8.300,0	7.889,218	95,05
	- Chì kim loại (hàm lượng \geq 97%)	Tấn	6.000,0	3.702,442	61,71
	- Bột kẽm ôxít	Tấn	5.000,0	2.474,012	53,84
4	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	459,0	377,97	82,18
5	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	23,7	4,529	19,11
6	Nộp ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	35,6	25,2	70,79
7	Nộp Bảo hiểm xã hội	Tỷ đồng	6,8	5,9	100
8	Thu nhập bình quân	Triệu đồng	7,6	7,7	101,32
9	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Tỷ đồng	59,665	7,165	12,01

* Ghi chú: Tổng sản lượng khai thác quặng nguyên khai: 21.263,74 tấn

Trong đó: + Sản lượng mỏ Nà Bốp - Pù Sáp đạt: 16.518,84 tấn;
+ Sản lượng mỏ chì kẽm Nà Duồng đạt: 4.744,90 tấn.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Ban điều hành:

Bảng 2: Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Đinh Văn Hiến	Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Trần Nhất	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Vũ Gia Hạnh	Phó Tổng giám đốc	
4	Ông Trần Văn Quyền	Phó Tổng giám đốc	
5	Ông Đỗ Đình Thắng	Phó Tổng giám đốc	

* Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành:

i) Ông **Đinh Văn Hiến** - Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT:

- Sinh ngày: 1967 - Dân tộc: Tày - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Tổ 11B, phường Đức Xuân, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 2.576 cổ phần.

ii) Ông **Nguyễn Trần Nhất** - Phó Tổng Giám đốc, thành viên HĐQT:

- Sinh ngày: 1976 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Khu phố 6, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.
- Số lượng cổ phần nắm giữ: 0.

iii) Ông **Vũ Gia Hạnh** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh ngày: 1978 - Dân tộc: Tày - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Tổ 6, phường Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 1.100 cổ phần.

iv) Ông **Trần Văn Quyền** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh ngày: 1982 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Đội 2, xã Thụy Lôi, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 8.500 cổ phần.

v) Ông **Đỗ Đình Thắng** - Phó Tổng Giám đốc:

- Sinh ngày: 1982 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Thôn Yên Vỹ, xã Hòa Tiến, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 0 cổ phần.

vi) Bà **Trần Thị Yên** - Kế toán trưởng:

- Sinh ngày: 1971 - Dân tộc: Kinh - Quốc tịch: Việt Nam.
- Địa chỉ: Tổ 5, phường Phùng Chí Kiên, thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn.
- Số cổ phần hiện đang nắm giữ: 866 cổ phần.

2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

- Về nhân sự cấp cao trong năm 2021: Không có thay đổi về nhân sự cấp cao.

- Trong năm 2021, Tổng Giám đốc đã bổ nhiệm 01 Giám đốc Xí nghiệp (Giám đốc Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp) và 03 Phó Giám đốc Xí nghiệp (01 Phó Giám đốc Khai thác và Chế biến khoáng sản Chợ Đồn, 02 Phó Giám đốc Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp - Pù Sáp).

2.3. Về lực lượng lao động

- Tổng số lao động Công ty tính đến thời điểm hết 31/12/2021 là 458 người, trong đó tại Công ty con là 33 người.

- Các chế độ, chính sách đối với người lao động: Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động (*ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm bắt buộc, đào tạo và huấn luyện về an toàn lao động, khám sức khỏe định kỳ...*). Người lao động ở xa, làm việc tại Công ty được bố trí chỗ ở miễn phí và có bếp ăn tập thể phục vụ hàng ngày. Ngoài các chính sách chung của Nhà nước, hàng năm Công ty tặng quà cho các cháu thiếu nhi con của người lao động được nhân dịp Quốc tế thiếu nhi (01/6) và Tết Trung thu, Tuyên dương học sinh có thành tích xuất sắc trong học tập; tặng quà cho người lao động các ngày Lễ, Tết; tặng quà cho nữ lao động nhân ngày Quốc tế phụ nữ, Ngày phụ nữ Việt Nam; tặng quà các gia đình chính sách trong và ngoài Công ty nhân kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ (27/7).

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

- Các dự án khai thác: Trong năm 2021, Công ty không có hoạt động đầu tư lớn cho các mỏ do các mỏ đã ổn định sản xuất không cần thêm nguồn vốn.

- Các dự án chế biến: Ngày 12/7/2021, UBND tỉnh Bắc Kạn có Quyết định số 1190/QĐ-UBND về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư sáp nhập dự án đầu tư của Công ty. Theo đó sáp nhập dự án Nhà máy luyện chì, dự án Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít và dự án Nhà máy xử lý chất thải rắn thành Dự án “Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm” và bổ sung nguồn nguyên liệu cho các nhà máy là các chất thải nguy hại công nghiệp. Hiện nay dự án đang trong giai đoạn vận hành thử nghiệm. Trong năm 2021, tổng nguồn vốn đầu tư cho dự án là 7,065 tỷ đồng, đạt sản lượng như sau:

+ Nhà máy Luyện chì: Sản lượng sản xuất được 3.420,198 tấn chì kim loại (hàm lượng Pb \geq 97%).

+ Nhà máy sản xuất bột kẽm ôxít: Sản lượng sản xuất được 3.657,003 tấn ZnO hàm lượng 50 ÷ 75%.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 01 Công ty con là Công ty TNHH Việt Trung. Hoạt động chính là khai thác khoáng sản tại mỏ chì kẽm Lũng Váng, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn cung cấp nguyên liệu cho Xưởng tuyển và Nhà máy Luyện chì của Công ty mẹ. Năm 2021 do Giấy phép khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng hết hạn, Công ty tập trung cho việc xin cấp giấy phép gia hạn khai thác nên sản lượng khai thác mỏ Lũng Váng không có.

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính:

Bảng 3: Tình hình tài chính của Công ty năm 2020, 2021

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Tỷ lệ % tăng giảm 2021/2020
1	Tổng giá trị tài sản	388.469.148.402	422.438.123.032	108,74
2	Doanh thu thuần	214.695.201.486	377.971.840.359	176,05
3	Lợi nhuận thuần từ hoạt động SXKD	-24.187.557.915	1.451.123.840	-
4	Lợi nhuận khác	1.157.065.222	3.078.013.176	266,02
5	Lợi nhuận trước thuế	-23.030.492.693	4.529.137.016	-
6	Lợi nhuận sau thuế	-23.030.492.693	4.529.137.016	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-1.962,09	385,86	-

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Bảng 4. Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu năm 2020, 2021

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,075	1,155
+ Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,521	0,754
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,660	0,677
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	1,945	2,096
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,741	3,058

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,553	0,895
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0,107	0,012
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-0,175	0,033
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0,059	0,011
+ Hệ số lợi nhuận thuần/Doanh thu thuần	-0,113	0,004

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần của Công ty: 11.737.728 cổ phần.
- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 11.737.728 cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Ngày 21/02/2022, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số: 04/2022/NQ-HĐQT về việc thông qua ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Ngày 17/3/2022, Hội đồng quản trị Công ty có Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐQT về việc thay đổi ngày tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 (29/4/2022) và ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 là ngày 06/4/2022. Vì vậy, đến thời điểm lập Báo cáo thường niên năm 2021, Công ty chưa nhận được Danh sách cổ đông mới nên báo cáo sử dụng danh sách cổ đông tại thời điểm ngày 23/3/2021.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 23/03/2021 như sau:

Bảng 5: Cơ cấu cổ đông Công ty

TT	Cổ đông	Đến thời điểm 23/3/2021		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Cổ đông trong nước	11.720.323	99,85	
	Cổ đông cá nhân	6.062.040	51,72	
	Cổ đông là tổ chức	5.658.283	48,28	
2	Cổ đông nước ngoài	17.405	0,15	
	Tổng	11.737.728	100,00	

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Có.

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

5.5. Các chứng khoán khác: Không.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp:

- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

6.2. Quản lý nguồn nguyên liệu:

- Tổng lượng nguyên liệu chính được sử dụng để sản xuất năm 2021 là: 2.235,80 tấn nguyên liệu chì (gồm: tinh quặng sunfua chì, bùn chì, chì ôxít, chì nhập khẩu);

- Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế, được sử dụng để sản xuất sản phẩm của Công ty: Khoảng 20%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: i) Điện năng: Khoảng 7,8 Triệu KW/năm; ii) Than đá, Than cốc các loại: 5.692,455 tấn; iii) Trấu, gỗ: 517,065 tấn; iv) Xăng dầu các loại: Hơn 70.000 lít.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Công ty đã áp dụng những biện pháp, sáng kiến tiết kiệm năng lượng đối với các đơn vị sử dụng trong toàn Công ty tuy nhiên do đặc thù của ngành khai thác và chế biến khoáng sản nên hiệu quả chưa cao.

- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

6.4. Tiêu thụ nước:

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nước mặt và nước tự nhiên; Lượng nước sử dụng: 84.912,0 m³/năm.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 80%.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 lần.

- Tổng số tiền do bị xử phạt do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: 0 đồng.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng lao động: 458 người (trong đó có 33 người tại Công ty con).

+ Mức lương bình quân: 7.700.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tuân thủ các quy định về An toàn, vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe đối với người lao động như: 100% lao động được tham gia đầy đủ chế độ bảo hiểm bắt buộc, trang cấp đầy đủ bảo hộ lao động, huấn luyện An toàn vệ sinh lao động định kỳ

và thường xuyên, khám sức khỏe định kỳ, thực hiện đúng bồi dưỡng độc hại đối với lao động theo quy định.

- Các chế độ thưởng, phúc lợi đối với người lao động trong năm 2021:

TT	CÁC NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN	SỐ TIỀN (VNĐ)
01	Khen thưởng cho 122 cá nhân và 03 tập thể hoàn thành tốt công việc trong năm 2020	70.500.000
02	Thưởng ngày Tết Dương lịch	85.200.000
03	Thưởng ngày Tết Âm lịch	1.207.000.000
04	Tặng quà cho lao động nữ nhân dịp 08/3 và 20/10 cho 110 lượt	22.000.000
05	Tặng quà Tết thiếu nhi 01/6 cho 392 cháu là con của người lao động	78.400.000
06	Tặng quà Tết Trung thu cho 399 cháu là con của người lao động	79.800.000
07	Thưởng ngày Quốc khánh cho 470 lao động	94.000.000
08	Thưởng cho cháu học sinh là con người lao động có thành tích xuất sắc năm học 2020-2021	22.800.000
09	Tặng quà cho 73 lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên Đán 2021	58.509.500
10	Tổ chức 210 lượt thăm hỏi, động viên người lao động và thân nhân khi có việc hiếu, hỉ, ốm đau	85.900.000
11	Chi tặng 09 suất quà cho các gia đình chính sách có con đang làm việc tại Công ty nhân dịp kỷ niệm ngày Thương binh liệt sỹ	4.500.000
12	Thưởng chuyên cần, khen thưởng đặc biệt đối với người lao động trong năm	683.923.077
	CỘNG	2.414.032.577

- Hoạt động đào tạo người lao động (Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên): Trong năm 2021, Công ty tổ chức tập huấn về

vật liệu nổ công nghiệp, huấn luyện về ATVSLĐ-PCCN, huấn luyện nghiệp vụ bảo vệ cho 251 lượt lao động, khám sức khoẻ định kỳ cho 419 người.

6.7. Một số chi tiết liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Trong năm 2021, Công ty đã trực tiếp và phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện nhiều hoạt động công tác xã hội, an sinh vì cộng đồng, cụ thể như sau:

TT	CÁC NỘI DUNG ĐÃ THỰC HIỆN	SỐ TIỀN (VNĐ)
01	Tặng quà Tết cho các gia đình chính sách, hộ gia đình nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn tại xã Bằng Lăng và xã Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn.	59.517.500
02	Thăm và tặng quà 04 cháu học sinh thuộc Chương trình “Cặp lá yêu thương” nhân dịp Tết Nguyên đán trị giá mỗi suất quà 500.000 đồng/cháu; tiếp tục hỗ trợ học bổng hàng tháng với mức 400.000 đồng/cháu.	20.000.000
03	Ứng hộ Quỹ vắc xin phòng chống Covid-19 Quốc gia thông qua UBMTTQ tỉnh Bắc Kạn.	44.350.000
04	Ứng hộ hàng hóa thiết yếu cho nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 thông qua UBMTTQ tỉnh; cử đoàn phối hợp cùng với lực lượng đoàn viên thanh niên các cơ quan đóng trên địa bàn thành phố bốc, xếp hàng hóa, lương thực lên xe ô tô chuyển vào ứng hộ nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và tỉnh Bình Dương.	5.700.000
05	Thăm hỏi, tặng quà gia đình chính sách, người có công với cách mạng tại xã Bằng Lăng và Quảng Bạch, huyện Chợ Đồn; thân nhân người lao động là đối tượng chính sách nhân ngày Thương binh liệt sỹ 27/7.	4.800.000
06	Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho 03 hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn tại xã Nam Cường, huyện Chợ Đồn (01 hộ với số tiền hỗ trợ là 40.000.000 đồng) và xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới (02 hộ với số tiền hỗ trợ là 30.000.000 đồng/hộ).	100.000.000

07	Hỗ trợ kinh phí kinh phí cho nhân dân Thôn Tùm Tó, xã Bằng Lăng, huyện Chợ Đồn lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng nông thôn trong chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.	20.000.000
08	Tham gia ủng hộ một số quỹ tại các địa phương trong tỉnh Bắc Kạn: <i>Quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bắc Kạn, quỹ bảo trợ nạn nhân chất độc da cam tỉnh Bắc Kạn, Quỹ khuyến học xã Bằng Lăng, Ủng hộ quỹ Người Cao tuổi, Quỹ khuyến học và Quỹ nạn nhân chất độc Da cam - Dioxin Thành phố Bắc Kạn, ..v.v.</i>	30.000.000
	CỘNG	284.367.500 đồng

Đạt được những kết quả trên, năm 2021 Công ty đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen cho tập thể Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua năm 2021, Bằng khen của UBND tỉnh Bắc Kạn vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện pháp luật về thuế; Bằng khen của Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam và Bằng ghi nhận tấm lòng vàng của MTTQ tỉnh Bắc Kạn đối với Công ty và tập thể người lao động, được Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Kạn tặng Bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện phong trào ủng hộ quỹ phòng, chống dịch COVID-19 của tỉnh Bắc Kạn.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Năm 2021 tiếp tục là một năm khó khăn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bởi ảnh hưởng của dịch bệnh COVID-19, hoạt động sản xuất kinh doanh có giai đoạn chỉ mang tính cầm chừng.

- Chính sách cách ly xã hội của Nhà nước và các địa phương có dịch để phòng chống dịch COVID-19 đã tác động tới hoạt động của Công ty. Một số dự án đang triển khai như điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì, kẽm; hồ chứa thải mới; xây dựng tòa nhà văn phòng làm việc tại Thái Nguyên, xin gia hạn giấy phép khai thác mỏ chì kẽm Lũng Váng - Công ty TNHH Việt Trung bị chậm tiến độ.

- Công ty tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, tăng cường các biện pháp đảm bảo an toàn trong lao động, tăng thu nhập cho người lao động; cải tạo công nghệ, rà soát điều chỉnh các khâu, áp dụng cơ giới hóa và áp dụng một số khoa học, công nghệ vào phục vụ sản xuất nhằm giảm thiểu sức lao động, từ đó giảm thiểu tối đa chi phí.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2021 là: 422.438.123.032 đồng, tăng so với thời điểm 31/12/2020 là: 33.968.974.630 đồng.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ hiện tại thời điểm 31/12/2021 là: 286.011.178.808 đồng, tăng so với thời điểm 31/12/2020 là: 29.439.837.614 đồng.

2.3. Vốn chủ sở hữu:

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2021 là: 136.426.944.224 đồng, tăng so với thời điểm 31/12/2020 là 4.529.137.016 đồng.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cơ cấu tổ chức ngày càng tinh gọn và hiệu quả. Chính sách quản lý rõ ràng thông suốt, linh hoạt.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2022 và kế hoạch trung, dài hạn

4.1. Hoạt động khai thác:

- Tiếp tục khai thác mỏ Nhà Bóp - Pù Sáp đạt sản lượng 17.660 tấn quặng/năm.
- Tiếp tục khai thác mỏ Lũng Váng đạt công suất theo Giấy phép khai thác được cấp là 1.650 tấn quặng/năm. Tiếp tục hoàn thiện công tác thăm dò nâng cấp trữ lượng mỏ theo quy định để nâng công suất khai thác lên khoảng 17.000 tấn quặng/năm (tùy theo điều kiện thực tế sẽ điều chỉnh cho phù hợp).
- Tiếp tục khai thác mỏ Nhà Duông đạt công suất, sản lượng theo Giấy phép khai thác đã được cấp 4.750 tấn quặng/năm.

4.2. Hoạt động chế biến:

- Tiếp tục thuê Công ty TNHH Tập đoàn Thiên Mã tuyển quặng từ mỏ Nhà Bóp - Pù Sáp, mỏ Lũng Váng và mỏ Nhà Duông theo thực tế khai thác.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý cấp giấy phép xử lý chất thải nguy hại cho Dự án “Điều chỉnh, mở rộng sản xuất khu chế biến chì kẽm” để bổ sung nguyên liệu cho các nhà máy; Đưa công suất của các Nhà máy theo đúng thiết kế.
- Hoàn thiện hồ sơ, thủ tục pháp lý chủ trương đầu tư Tổ hợp dây truyền Luyện kẽm và Điện phân kẽm tại Cụm công nghiệp thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn, gồm: Nhà máy xử lý sunfua kẽm; Nhà máy xử lý tách hòa tan ô xít kẽm; Nhà máy điện phân kẽm và các công trình phụ trợ phục vụ dự án; Dây truyền điện phân đồng.
- Hoàn thiện hồ sơ pháp lý để đưa Dây truyền hóa luyện đồng công suất 6.000 tấn/năm và Dây truyền xử lý ắc quy chì thải vào hoạt động.

4.3. Các dự án trung và dài hạn:

- Hoàn thiện hồ sơ xin góp vốn điều tra cơ bản địa chất 02 điểm mỏ có triển vọng trong tỉnh; tiếp tục khảo sát, lập hồ sơ xin cấp giấy phép thăm dò các điểm mỏ đã đề nghị đưa vào quy hoạch của UBND tỉnh Bắc Kạn.

- Tìm các giải pháp về tháo gỡ khó khăn, tiếp tục đầu tư xây dựng Tòa nhà Văn phòng tại thành phố Thái Nguyên theo Quyết định chủ trương đầu tư số 2133/QĐ-UBND ngày 12/07/2019 của UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Tập chung triển khai Dự án luyện kẽm và Điện phân kẽm, điện phân đồng tại Cụm công nghiệp thuộc huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn.

- Tiếp tục triển khai các dự án đã được ĐHCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện trong đó có dự án Hồ chứa đuôi thỏi mới cho Xưởng tuyển nổi.

- Tiếp tục rà soát từng khâu trong khai thác để cắt giảm tối đa chi phí, giảm giá thành khai thác.

5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán

Công ty giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 so với năm 2020 tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính quý IV/2021 (lũy kế), bao gồm Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất.

5.1. Chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 so với năm 2020:

5.1.1. Đối với Báo cáo tài chính riêng:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.712.504.659	214.619.177.986	163.093.326.673
2	Giá vốn hàng bán	347.288.274.432	208.315.865.825	138.972.408.607
3	Doanh thu hoạt động tài chính	2.445.786.055	11.504.500	2.434.281.555
4	Chi phí tài chính	18.447.637.921	15.296.377.606	3.151.260.315
5	Chi phí bán hàng	457.782.000	-	457.782.000
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10.636.027.273	10.657.833.810	(21.806.537)
7	Thu nhập khác	4.708.783.296	4.639.857.981	68.925.315
8	Chi phí khác	1.605.877.910	3.436.311.834	(1.830.433.924)

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.431.474.474	(18.435.848.608)	24.867.323.082

Nguyên nhân chênh lệch:

- Chênh lệch doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch, giá vốn hàng bán nguyên nhân chủ yếu năm 2021 hàng hóa, thành phẩm xuất bán nhiều hơn so với năm 2020.

- Chênh lệch doanh thu hoạt động tài chính do năm 2021 có khoản thu lãi chậm thanh toán.

- Chênh lệch chi phí tài chính do năm 2021 trích lập dự phòng đầu tư.

- Năm 2021 xuất khẩu thành phẩm nên phát sinh chi phí bán hàng.

Từ các nguyên nhân chính nêu trên dẫn tới lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính riêng năm 2021 tăng so với năm 2020 là 24,8 tỷ đồng.

5.1.2. Đối với Báo cáo tài chính hợp nhất:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	377.971.840.359	214.695.201.486	163.276.638.873
2	Giá vốn hàng bán	347.547.610.132	212.009.955.863	135.537.654.269
3	Doanh thu hoạt động tài chính	2.445.901.773	11.786.508	2.434.115.265
4	Chi phí tài chính	18.447.637.921	15.296.377.606	3.151.260.315
5	Chi phí bán hàng	457.782.000	-	457.782.000
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.513.588.239	11.588.212.440	925.375.799
7	Thu nhập khác	4.708.783.296	4.678.343.679	30.439.617
8	Chi phí khác	1.630.770.120	3.521.278.457	(1.890.508.337)
9	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.529.137.016	(23.030.492.693)	27.559.629.709

Nguyên nhân chênh lệch:

- Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như giải trình tại Báo cáo tài chính riêng và Công ty con đã giảm bớt lỗ. Vì vậy mà lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 tăng so với năm 2020 là 27,5 tỷ đồng.

5.2. Nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán so với Báo cáo tài chính quý IV/2021 (lấy kê):

5.2.1. Đối với Báo cáo tài chính riêng:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	347 288 274 432	351 371 244 328	(4 082 969 896)
2	Chi phí tài chính	18 447 637 921	13 716 802 101	4 730 835 820
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10 636 027 273	10 213 220 150	422 807 123
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	6 431 474 474	7 502 147 521	(1 070 673 047)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu là xác định đúng giá hàng tồn kho của hàng hóa, thành phẩm đã xuất bán và bổ sung trích lập đầu tư, dự phòng phải thu khó đòi. Do vậy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tại Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán giảm 1 tỷ đồng.

5.2.2. Đối với Báo cáo tài hợp nhất:

TT	Nội dung	Năm 2021	Năm 2020	Chênh lệch
1	Giá vốn hàng bán	347.547.610.132	351 630 580 028	(4.082.969.896)
2	Chi phí tài chính	18.447.637.921	13 716 802 101	4.730.835.820
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12.513.588.239	11 623 830 638	889.757.601
4	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.	4 529 137 016	6 066 760 541	(1.537.623.525)

Nguyên nhân chênh lệch:

- Nguyên nhân chênh lệch chủ yếu như đã giải trình tại Báo cáo tài chính riêng và Công ty con phải hạch toán bổ sung chi phí quản lý doanh nghiệp. Do vậy lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2021 tại Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán giảm 1,5 tỷ đồng.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản, việc sử dụng nhiều năng lượng cho sản xuất là không thể tránh khỏi. Trong các năm tiếp theo Công ty tiếp tục có những chính sách mới phù hợp khuyến khích việc sử dụng tiết kiệm và hiệu quả năng lượng cũng như hạn chế và xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh...

- Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Tiếp tục có chính sách khuyến khích người lao động làm việc, gắn bó với Công ty như tạo thu nhập ổn định, tăng thu nhập, có nhiều chính sách phúc lợi.

- Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Công ty đã và đang đồng hành cùng địa phương trong vấn đề an sinh xã hội đặc biệt là các địa bàn Công ty đang hoạt động sản xuất cũng như các địa phương nghèo cần hỗ trợ phát triển.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Trong năm 2021, với sự đoàn kết nỗ lực của tập thể Ban Tổng Giám đốc trong điều hành, quyết liệt trong chỉ đạo sản xuất nên kết quả đạt được của Công ty là tích cực và ổn định.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty

Trong năm 2021, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ điều hành sản xuất kinh doanh; báo cáo kịp thời, đầy đủ các nội dung cần trình HĐQT xem xét, phê duyệt theo thẩm quyền. Tổng Giám đốc đã tổ chức triển khai thực hiện tốt những nội dung của Nghị quyết HĐQT, nỗ lực thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 do ĐHĐCĐ phê duyệt.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

- Tăng cường hoạt động giám sát, đảm bảo Công ty hoạt động đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

- Phối hợp với Ban Điều hành xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 trình ĐHĐCĐ thông qua và giám sát việc thực hiện nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022. Trong năm 2022, sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án luyện và điện phân kẽm, điện phân và hỏa luyện đồng, tái chế ắc quy chì, hồ chứa thải mới cho xưởng tuyển, dự án tòa nhà văn phòng tại Thái Nguyên và tiếp tục triển khai các dự án đã được

ĐHĐCĐ phê duyệt nhu cầu vốn trong các kỳ đại hội trước khi đủ điều kiện.

- Tăng cường hỗ trợ Ban điều hành để hoàn thành nhiệm vụ được ĐHĐCĐ, HĐQT giao.

- Đẩy mạnh công tác giám sát, đôn đốc Ban Điều hành triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh theo kế hoạch cũng như xem xét kịp thời, điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức nhân sự theo đề nghị của Ban điều hành trên cơ sở thẩm quyền của HĐQT để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao mọi mặt hoạt động khác của HĐQT theo đúng quyền hạn và trách nhiệm của mình, kịp thời khắc phục những mặt chưa làm được nhằm cùng với Ban điều hành phấn đấu đưa Công ty ngày càng phát triển xứng đáng với mong muốn của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Bảng 6: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số cổ phần	% vốn Điều lệ	
1	Ông Vũ Phi Hồ	0	0	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đinh Văn Hiến	2.576	0,02	Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Trần Nhất	0	0	Phó Tổng giám đốc
4	Ông Mai Thanh Sơn	0	0	Không điều hành
5	Ông Nguyễn Huy Hoàn	292.200	2,49	Không điều hành

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Chưa thành lập.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Bảng 7: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty

Stt	Thành viên	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Vũ Phi Hồ	CT HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
2	Ông Đinh Văn Hiến	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
3	Ông Mai Thanh Sơn	TV HĐQT	30/07/2013	4/4	100%	
4	Ông Nguyễn Huy Hoàn	TV HĐQT	01/06/2014	4/4	100%	
5	Ông Nguyễn Trần Nhất	TV HĐQT	28/04/2016	4/4	100%	

- Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty năm 2021:

Bảng 8. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	05/2021/NQ-HĐQT	03/4/2021	Về việc tổ chức ĐHĐCĐ năm 2021	5/5
02	11/2021/NQ-HĐQT	03/4/2021	Về việc giới thiệu ứng viên bầu HĐQT, BKS tại ĐHĐCĐ năm 2021	5/5
03	12/2021/NQ-HĐQT	15/4/2021	Về việc thành lập Xí nghiệp khai thác khoáng sản mỏ Nà Bốp – Pù Sáp	5/5
04	15/2021/NQ-HĐQT	26/4/2021	Về việc bầu Chủ tịch HĐQT	5/5
05	19/2021/NQ-HĐQT	12/5/2021	Về việc tham gia ĐHĐCĐ năm 2021 của Công ty CP Bến xe Nghệ An	5/5
06	20/2021/NQ-HĐQT	12/5/2021	Về việc sáp nhập các dự án đầu tư khu chế biến chì kẽm	5/5

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
07	23/2021/NQ-HĐQT	17/5/2021	Về uỷ quyền cho Tổng Giám đốc lựa chọn hệ thống ngân hàng và ký hồ sơ tín dụng với các ngân hàng thương mại	5/5
08	27/2021/NQ-HĐQT	01/6/2021	Về thông qua quy chế công bố thông tin của Công ty	5/5
09	28/QĐ-HĐQT	01/6/2021	Về ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty	5/5
10	29/2021/NQ-HĐQT	01/6/2021	Về hủy bỏ việc chấm dứt hoạt động của Dự án xử lý chất thải rắn trong khai thác chế biến khoáng sản	5/5
11	30/2021/NQ-HĐQT	01/6/2021	Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, đơn vị trực thuộc	5/5
12	34/2021/NQ-HĐQT	27/9/2021	Về việc ký Hợp đồng bán tinh quặng sunfua kẽm với Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại quốc tế Vũ Hoàng	04/04
13	37/2021/NQ-HĐQT	09/12/2021	Về việc ký Hợp đồng bán tinh quặng sunfua kẽm với Công ty TNHH dịch vụ ANB	05/05

Bên cạnh đó HĐQT đã lập báo cáo tình hình quản trị 06 tháng, 01 năm và Công bố thông tin theo đúng quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập:

Công ty chưa có thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm: Không.

2. Ban kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của ban kiểm soát:

Bảng 9: Thành viên ban kiểm soát Công ty

TT	Thành viên	Tại thời điểm		Ghi chú
		Số cổ phần	% Vốn điều lệ	
1	Ông Nguyễn Thế Phòng	1.288	0,01	Trưởng ban kiểm soát
2	Ông Đặng Thanh Vân	639.283	5,45	Thành viên
3	Ông Bùi Đức Hùng	66	0,001	Thành viên

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:**Bảng 10:** Số buổi tham dự họp Ban kiểm soát của các thành viên

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
01	Ông Nguyễn Thế Phòng	02/02	100%	100%	-
02	Ông Bùi Đức Hùng	02/02	100%	100%	-
03	Ông Đặng Thanh Vân	02/02	100%	100%	-

2.2.1. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

- Đối với Hội đồng quản trị: Qua giám sát, Ban kiểm soát đánh giá HĐQT tổ chức triển khai thực hiện đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các Nghị quyết của HĐQT. Các vấn đề, nội dung cuộc họp được chuẩn bị đầy đủ và được thảo luận công khai, biểu quyết thông qua phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT. Các phiên họp của HĐQT có số thành viên dự họp đảm bảo theo đúng quy định của Điều lệ Công ty. HĐQT thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý trong việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Đối với Ban Tổng Giám đốc Công ty: Ban Tổng Giám đốc Công ty đã triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết của HĐQT và thực hiện điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ Công ty. Nội dung chỉ đạo điều hành của Ban Tổng giám đốc tuân thủ đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

- Đối với cổ đông: Qua công tác giám sát, Ban kiểm soát chưa phát hiện cổ đông của Công ty vi phạm các quy định của Luật Chứng khoán, vi phạm công bố thông tin.

BKS cũng không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm nào của HĐQT, BKS và các Cán bộ quản lý Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình.

2.2.2. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác: Trong quá trình thực hiện chức năng giám sát của mình, BKS luôn nhận được sự phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi của các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận, cán bộ quản lý khác trong Công ty.

2.2.3. Hoạt động khác của BKS (nếu có): Không.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thù lao của Chủ tịch HĐQT năm 2021 là: 50.000.000 đồng /tháng.
- Thù lao của Thành viên HĐQT năm 2021 là: 10.000.000 đồng/người/tháng.
- Thù lao của Trưởng Ban kiểm soát năm 2021 là: 4.000.000 đồng/tháng.
- Thù lao của thành viên BKS năm 2021 là: 3.000.000 đồng/người/tháng.

3.2. *Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ*: Trong năm 2021 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ.

3.3. *Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ*: Không.

3.4. *Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty*: Công ty chưa có thành viên HĐQT độc lập.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán

1.1. *Tại Báo cáo tài chính riêng*:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

1.2. *Tại Báo cáo tài chính hợp nhất*:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán CPA Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán được đăng tải trên địa chỉ website: <http://backanco.com/>

Nơi nhận:

- Như kính gửi (B/c);
- HĐQT, BKS;
- Ban TGD, KTT;
- CVP, TKCT (CBTT);
- Lưu: VT, CVP, PC.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đình Văn Hiến